TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2025
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Văn Hơn**

2. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Hà**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Hùng Mạnh**– Là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 412/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 645/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 533/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm: 1992 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

* Bị đơn: **Giáp Nguyễn Quốc Đ**, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Mỹ L là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, có lời trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh G Nguyễn Quốc Đ đăng kí kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại tỉnh Đăk Lăk. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2015 anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, không tôn trọng nhau, bất đồng quản điểm sống. Sau khi không còn chung sống với nhau, anh Đ bỏ về quê sinh sống tại Tổ B, ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp. Nhận thấy tình cảm giữa chị L và anh Đ đã không còn, mâu thuẫn

gia đình ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Giáp Thị Tường V, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2010, hiện cháu V đang sống chung với chị L. Ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Giáp Nguyễn Quốc Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và anh Đ cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh Đ đối với yêu cầu ly hôn của chị L.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến: - Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L, cho chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Giáp Nguyễn Quốc Đ. Về con chung: Giao 01 con chung tên Giáp Nguyễn Tường V1, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh G Nguyễn Quốc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Mỹ L không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh G Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1988, ngụ tại Tổ B ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp nên đây là quan hệ "*Tranh chấp ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Giáp Nguyễn Quốc Đ dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến của anh Đ đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Giáp Nguyễn Quốc Đ.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh G Nguyễn Quốc Đ

tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị L, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không tôn trọng lẫn nhau, hiện tại anh chị đã không còn chung sống với nhau khoảng 10 năm nay và anh Đ đã bỏ về quê sinh sống; Nay tình cảm không còn chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho anh Đ biết yêu cầu ly hôn của chị L nhưng anh Đ vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không quan tâm đến kết quả giải quyết vụ án ly hôn của anh với chị L như thế nào. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L với anh Đ là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Giáp Nguyễn Tường V1, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2010, hiện đang sống chung với chị L. Ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không có yêu cầu theo đơn trình bày ý kiến của chị L, anh Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày về con chung. Theo nguyện vọng cháu V1 có lời khai muốn được sống chung với mẹ. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của con chung nên cần giao con chung cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L có yêu cầu ly hôn nên chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh G Nguyễn Quốc Đ được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao 01 con chung tên Giáp Nguyễn Tường V1, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh G Nguyễn Quốc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Mỹ L không có yêu cầu.

Anh Giáp Nguyễn Quốc Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007190 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Anh Giáp Nguyễn Quốc Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh

Nơi nhận:
- TAT Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Trinh